

Bản án số: 253/2026/DS-PT
Ngày 01-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Bà Đào Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số D Cư xá P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: số E, đường H, phường N, thành phố Cần Thơ (theo Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2025, Số công chứng 3563/2025/CCGD của Văn phòng C).

- **Bị đơn:**

1. Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: ấp V, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: số C tổ C, KV2, phường T, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Đoàn Thị Tú U, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: ấp V, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: số A, đường 30 tháng 4, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Phạm Xuân T2, sinh năm 1987 (có mặt).

2. Bà Trần Phi N, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số B, đường N, phường T, thành phố Cần Thơ (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2119/2025/CCGD, ngày 20/8/2025 của Văn phòng C1).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Theo nội dung Hợp đồng vay tiền số công chứng số 3197, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/6/2022 thì ông Nguyễn Minh T có cho ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U vay số tiền vốn là 1.450.000.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay. Khi nợ đến hạn thì ông T có liên hệ ông T1, bà U để yêu cầu trả nợ, nhưng ông T1 bà U không thực hiện.

Đến ngày 12/8/2024, được sự thống nhất của ông T, thì ông T1 và U có viết tờ cam kết với nội dung: nếu ông T1, bà U trả cho ông T đủ 500.000.000 đồng, chia thành 03 lần trả. Cụ thể: lần 01 trả 100.000.000 đồng vào ngày 30/9/2024, lần 2 trả 200.000.000 đồng vào ngày 31/01/2025, lần 3 trả 200.000.000 đồng vào ngày 30/4/2025, thì lúc đó ông T sẽ hủy hợp đồng vay tài sản ngày 24/6/2022 và xem như ông T1, bà U không còn nợ ông T.

Sau khi viết cam kết xong thì ông T1, bà U chỉ thực hiện được một phần thỏa thuận trong tờ cam kết, cụ thể: ông T1, bà U có chuyển khoản trả nợ cho ông T được số tiền 190.000.000 đồng thì ngưng, không thực hiện việc trả nợ tiếp cho ông T. Ngày 18/02/2025, thì ông T1 có gọi điện thoại cam kết trả nợ thì được ông T đồng ý, nhưng sau đó ông T1 vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền vay còn nợ. Cụ thể như sau: nợ vốn là **1.260.000.000 đồng**, nợ lãi từ tính ngày 19/02/2025 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2025, với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là 65.885.400 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.325.885.400 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Xuân T3 trình bày:

Vào ngày 24/6/2022 ông Nguyễn Minh T có cho ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U vay số tiền vốn là 1.450.000.000 đồng, thỏa thuận không tính lãi, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay. Khi vay tiền 02 bên có lập Hợp đồng vay tiền số công chứng số 3197, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Khi nợ đến hạn, do điều kiện khó khăn nên ông T1, bà U không trả được nợ cho ông T theo thỏa thuận.

Đến ngày 12/8/2024, được sự thống nhất của ông T, thì ông T1 và bà U có viết tờ cam kết với nội dung: nếu ông T1, bà U trả cho ông T đủ 500.000.000 đồng, chia thành 03 lần trả. Cụ thể: lần 01 trả 100.000.000 đồng vào ngày 30/9/2024, lần 2 trả 200.000.000 đồng vào ngày 31/01/2025, lần 3 trả 200.000.000 đồng vào ngày 30/4/2025, thì lúc đó ông T sẽ hủy hợp đồng vay tài sản ngày 24/6/2022 và xem như ông T1, bà U không còn nợ ông T. Theo quan điểm của ông T1, bà U thì nội dung thỏa thuận này được hiểu tính đến ngày 12/8/2024 thì ông T1, bà U chỉ còn nợ ông T số tiền nợ vốn là 500.000.000 đồng.

Sau khi viết cam kết xong thì ông T1, bà U chỉ thực hiện được một phần thỏa thuận trong tờ cam kết, cụ thể: ông T1, bà U có chuyển khoản trả nợ cho ông T được số tiền 190.000.000 đồng thì ngưng, không thực hiện việc trả nợ tiếp cho ông T. Ngày 18/02/2025, thì ông T1 có gọi điện thoại cam kết trả nợ cho ông T, nhưng sau đó do điều kiện kinh tế khó khăn nên không thực hiện được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông T1, bà U chỉ chấp nhận một phần. Cụ thể: ông T1, bà U chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền nợ vốn còn lại là 310.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T yêu cầu đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lê Thanh T1, bà Đoàn Thị Tú U.

2. Về số nợ: Buộc bị đơn ông Lê Thanh T1, bà Đoàn Thị Tú U phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh T tổng số tiền 326.209.900 đồng. Trong đó nợ gốc 310.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 19/02/2025 tạm tính đến ngày 28/8/2025 là 16.209.900 đồng là tất nợ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/9/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền vay vốn, lãi còn nợ tổng cộng là 1.325.885.400 đồng. Trong đó: nợ vốn là 1.260.000.000 đồng, nợ lãi là 65.885.400 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G phát biểu ý kiến thay đổi một phần nội dung kháng cáo cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền nợ vốn là 1.260.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi từ ngày 24/6/2024 đến ngày 17/02/2025, tính trên số tiền nợ gốc là 1.350.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm và yêu cầu tính lãi từ ngày 18/02/2025 đến ngày 31/3/2026, tính trên số tiền nợ gốc là 1.260.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/năm.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh T nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 24/6/2022 thể hiện ông Nguyễn Minh T có cho ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U vay số tiền vốn là 1.450.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 năm. Đây là giao dịch dân sự hợp pháp, các bên đều thừa nhận nên có đủ cơ sở xác định nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với toàn bộ số tiền đã nhận khi đến hạn.

[2.2] Sau khi khoản vay đến hạn, bên vay là ông T1, bà U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên các bên có lập “tờ cam kết” ngày 12/8/2024 với nội dung: nếu ông T1 và bà U trả đủ số tiền 500.000.000 đồng theo 03 đợt như đã thỏa thuận thì ông T sẽ hủy hợp đồng vay ngày 24/6/2022 và xem như không còn nghĩa vụ nợ. Xét thấy, nội dung thỏa thuận nêu trên là một giao dịch dân sự có điều kiện, theo đó việc chấm dứt nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay ban đầu chỉ phát sinh khi bên vay thực hiện đầy đủ điều kiện là thanh toán đủ 500.000.000 đồng đúng thời hạn, đúng phương thức đã cam kết. Điều kiện này

là điều kiện phát sinh hiệu lực của việc giảm nợ, xóa nợ chứ không phải là việc xác lập nghĩa vụ trả nợ mới thay thế hoàn toàn nghĩa vụ cũ ngay tại thời điểm ký cam kết.

[2.3] Thực tế, ông T1 và bà U chỉ thanh toán được cho ông T được 190.000.000 đồng là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo tờ cam kết, đồng thời cũng không thực hiện đúng thời hạn các đợt thanh toán đã thỏa thuận. Như vậy, điều kiện để được hưởng việc xóa nợ theo nội dung cam kết không xảy ra. Do đó, thỏa thuận về việc hủy hợp đồng vay ngày 24/6/2022 không có hiệu lực, nghĩa vụ trả nợ của ông T1 và bà U vẫn được xác định theo hợp đồng vay ban đầu.

[2.4] Quan điểm của phía bị đơn cho rằng kể từ ngày 12/8/2024 số tiền nợ chỉ còn 500.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: nội dung tờ cam kết không thể hiện việc các bên xác lập lại nghĩa vụ nợ mới thay thế hoàn toàn nghĩa vụ cũ (không phải là giao dịch thay thế nghĩa vụ), mà chỉ là sự thỏa thuận có điều kiện nhằm giảm nghĩa vụ trong trường hợp bên vay thực hiện đầy đủ cam kết. Việc bị đơn không thực hiện trọn vẹn điều kiện đã làm cho thỏa thuận này không phát sinh hiệu lực, không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ ban đầu.

[2.5] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị đơn trả số tiền 310.000.000 đồng cho nguyên đơn là chưa đánh giá đúng bản chất pháp lý của tờ cam kết, dẫn đến việc xác định nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.6] Đối với số tiền đã thanh toán 190.000.000 đồng, cần được trừ vào nghĩa vụ trả nợ gốc của bị đơn. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại là 1.260.000.000 đồng (1.450.000.000 đồng – 190.000.000 đồng).

[2.7] Về nợ lãi: Do hợp đồng vay ban đầu không thỏa thuận lãi, nhưng khi đến hạn mà bên vay không trả nợ thì phải chịu lãi đối với khoản tiền chậm trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 19/02/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 10%/năm, với số tiền lãi tính được là 65.885.400 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên không được chấp nhận.

[2.8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T tổng số tiền 1.325.885.400 đồng, trong đó nợ gốc 1.260.000.000 đồng, nợ lãi 65.885.400 đồng.

[2.9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[2.10] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T đối với bị đơn là ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U.

2. Buộc ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền nợ là 1.325.885.400đ (Một tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông Lê Thanh T1 và bà Đoàn Thị Tú U có nghĩa vụ liên đới chịu 51.776.562đ (Năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng).

4.2. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh T 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006297 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cần Thơ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002849 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1- Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Bằng